

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2019/DS - ST
Ngày: 26- 11 - 2019
V/v tranh chấp “ Hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Việt Hùng;

Ông Nguyễn Công Lập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2019/TLST- DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ X, Khu phố Y, thị trấn C, huyện C, tỉnh T (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; Bà Đặng Thị V, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh T. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 23/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Minh T trình bày:

Do quen biết nên vào năm 2017, ông T có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị V vay số tiền 2.300.000.000 (hai tỷ ba trăm triệu) đồng để ông T, bà V lấy vốn làm ăn, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng; khi vay không thế chấp tài sản. Sau khi vay thì ông T, bà V có trả lãi cho ông T đến ngày 30/7/2017 thì không trả nữa. Ông T đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà V trả tiền gốc và lãi nhưng ông T, bà V không trả. Đến ngày 12/01/2018, ông T, bà V đến nhà năn nỉ và viết giấy xác nhận nợ cho ông T số tiền 2.300.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 30/7/2017 với mức lãi suất

1%/tháng, hứa đến cuối tháng 01/2018 âm lịch sẽ trả hết lãi cho ông T, tháng 6/2018 âm lịch sẽ trả cho ông T 1.000.000.000 đồng nợ gốc, số còn lại sẽ trả sau. Kể từ khi viết giấy nhận nợ này, ông T bà V có trả cho ông T số tiền 40.000.000 đồng rồi ngưng không trả nữa.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà V cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 2.300.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 30/7/2017 đến ngày 30/4/2019 (21 tháng, trừ đi 40.000.000 đồng đã trả) là 443.000.000 đồng. Tổng cộng 2.743.000.000 (Hai tỷ bảy trăm bốn mươi ba triệu) đồng.

Ngoài ra, trong năm 2017, ông T có cho vợ chồng ông T, bà V vay số tiền 20.000.000 đồng, việc cho vay không làm biên nhận, không tính lãi suất, thời hạn vay là 01 tháng. Nhưng đến nay ông T bà V vẫn không trả. Nên ông T yêu cầu ông T, bà V trả cho ông T số tiền 20.000.000 đồng tiền vay gốc.

Ngày 23/9/2019, ông T rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 20.000.000 đồng đã cho ông T, bà V vay.

Tại phiên tòa, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, bớt cho ông T, bà V số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng, chỉ yêu cầu ông T, bà V trả cho ông T số tiền 1.300.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất 1%/tháng của số tiền 2.300.000.000 đồng tính từ ngày 30/7/2017 đến ngày ông khởi kiện là ngày 24/5/2019.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị V vắng mặt trong quá trình tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải kèm theo giấy triệu tập ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị V đến Tòa án để làm việc, nhưng ông T, bà V đều vắng mặt không có lý do và không có bất cứ văn bản nào ý kiến về nội dung vụ án, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo xác minh tại Công an xã Tân Hưng thì ông T, bà V có nơi cư trú tại ấp Tân Trung A, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vì vậy, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông T, bà V và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị V đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T, bà V.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 20.000.000 đồng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng của số tiền 2.300.000.000 đồng tính từ ngày 30/7/2019 đến ngày 30/4/2019 như đơn khởi kiện. Bà V được miễn án phí dân sự sơ thẩm; ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Minh T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị V trả tiền gốc và lãi suất theo giấy nhận nợ ngày 12/01/2018 là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông T, bà V có nơi cư trú tại ấp A, xã H, huyện C, tỉnh T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị V đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ nhất ngày 08/11/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai ngày 26/11/2019, ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị V đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị V.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T: tại phiên tòa, ông Trần Minh T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị V phải trả số tiền nợ gốc là 1.300.000.000 đồng và tiền lãi suất của số tiền 2.300.000 đồng từ ngày 30/7/2017 đến ngày khởi kiện là ngày 24/5/2019. Tài liệu, chứng cứ ông T cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy nhận nợ ghi ngày 12/01/2018, chứng cứ này cũng đã được Tòa án công khai nhưng ông T, bà V không có ý kiến nên căn cứ Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

Giấy nhận nợ ngày 12/01/2018 thể hiện ông T, bà V đã ký xác nhận còn nợ ông T số tiền 2.300.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng từ ngày 30/7/2017 chưa đóng lãi. Theo giấy nhận nợ, ông T, bà V cam kết đến cuối tháng giêng năm 2018 sẽ trả đủ số tiền lãi và đến cuối tháng 6/2018 sẽ trả nợ gốc là 1.000.000.000 đồng. Ông T thừa nhận, sau khi viết giấy nợ, vợ chồng ông T, bà V trả cho ông số tiền 40.000.000 đồng thì không trả nữa, do đó ông T, bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ông T khởi kiện là có căn cứ.

[4] Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ do ông T cung cấp, xác định: ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị V có nợ ông Trần Minh T số tiền vay 2.300.000.000 đồng là đúng và đến nay ông T, bà V chưa trả được số tiền vay cho ông T như thỏa thuận theo giấy nhận nợ nên nay ông T yêu cầu ông T, bà V trả lại số tiền vay 1.300.000.000 đồng trong số tiền 2.300.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính tiền lãi của ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng, khi hai bên xác lập giao dịch vay tiền có thỏa thuận lãi suất, thời gian trả nợ, việc thỏa thuận giữa các bên phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật

Dân sự, tuy nhiên ông T, bà V chỉ mới trả cho ông T 40.000.000 đồng nên ông T, bà V phải có nghĩa vụ trả lãi suất từ ngày 30/7/2017 đến ngày ông T khởi kiện là 21 tháng 24 ngày. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp với nội dung thỏa thuận của hai bên trong giấy nhận nợ, phù hợp Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên lãi suất được tính như sau: 2.300.000.000 đồng x 1%/tháng x 21 tháng 24 ngày – 40.000.0000 đồng = 461.400.000 đồng.

[6] Đối với yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông T, bà V trả số tiền 20.000.000 đồng, vay năm 2017. Ngày 23/9/2019, ông T đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này. Xét thấy việc rút đơn của ông T là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông T, bà V trả số tiền 20.000.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Minh T không phải chịu án phí. Bà Đặng Thị V được miễn án phí; ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị V.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị V cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trần Minh T số tiền 1.761.400.000 (Một tỷ bảy trăm sáu mươi một triệu bốn trăm ngàn) đồng; trong đó nợ gốc là 1.300.000.000 (Một tỷ ba trăm triệu) đồng, nợ lãi là 461.400.000 (Bốn trăm sáu mươi một triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T, bà V không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông T, bà V còn phải trả cho ông T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Trần Minh T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị V trả số tiền nợ vay 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

2/ Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 32.421.000 (Ba mươi hai triệu bốn trăm hai mươi một ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông T số tiền 43.630.000 (Bốn mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015453 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- THA Dân sự huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm My

